

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 3 năm 2025
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phầm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L, sinh năm 1988,

ĐKKHKT: khu 18, xã B, huyện T, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Q, sinh năm 1985,

ĐKKHKT: khu 18, xã B, huyện T, tỉnh P.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Quốc Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 14/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận. Sau đó một thời gian chị L đi lao động ở nước ngoài, từ đó đến nay giữa anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng sống xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Trà M, sinh ngày 14/9/2009 và cháu Nguyễn Vũ N, sinh ngày 11/10/2013. Sau khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 con chung/01 tháng cho đến khi các con chung thành niên.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: chị L xin tự nguyện chịu toàn bộ.

- Phía bị đơn anh Nguyễn Quốc Q hiện nay đang ở Việt Nam. Anh Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 18, xã B, huyện T, tỉnh P. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo anh Q đến làm việc để yêu cầu anh trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng anh Q không đến, không hợp tác nên không có lời trình bày quan điểm trong hồ sơ. Tòa án đã tiến hành xác minh qua ông Nguyễn Văn K (bố đẻ anh Q) thì được gia đình cung cấp: hiện anh Q đang đi làm ăn xa ở Hà Nội thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Anh Q vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình hàng ngày qua điện thoại. Anh Q và gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Việc chị L khởi kiện xin ly hôn anh Q ông K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh Q, chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Trà M và cháu Nguyễn Vũ N. Anh Q đi làm xa có gửi 2 cháu cho ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại việc học tập, chăm lo đời sống của các cháu đều do anh Q lo lắng. Ông K đề nghị Tòa án giao cháu M và cháu N cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh Q, chị L ly hôn. Ông K cũng nhất trí nhận thay anh Q các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết ly hôn với chị L.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Về quan hệ hôn nhân: cho chị L được ly hôn anh Nguyễn Quốc Q. Về con chung: giao cháu Nguyễn Vũ Trà M, sinh ngày 14/9/2009 và cháu Nguyễn Vũ N, sinh ngày 11/10/2013 cho anh Nguyễn Quốc Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 con chung/01 tháng cho đến khi các con chung thành niên. Về tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí: chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị L nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Quốc Q tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Xét đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2024 của chị L có chứng thực của Tổng lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Hồng Công và Ma Cao. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Quốc Q nhưng anh Q đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị L, anh Q.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh Nguyễn Quốc Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình vào ngày 14/7/2009. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị L và anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Xét thấy anh Q hiện đang có mặt ở Việt Nam. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Q các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Anh Q đã nhận được các văn bản này nhưng anh Q không đến làm việc, không hợp tác nên được xác định là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh Q là phù hợp với quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị L và anh Q đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Q là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị L được chấp nhận.

- Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định chị L và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Trà M, sinh ngày 14/9/2009 và cháu Nguyễn Vũ N, sinh ngày 11/10/2013. Chị L đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi anh chị ly hôn.

Xét thấy, cháu M và cháu N hiện nay đang ở cùng với anh Q ở Việt Nam, còn chị L đang ở nước ngoài không có mặt ở Việt Nam. Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu M và cháu N đều thể hiện mong muốn được ở cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và việc học tập của các con chung của chị L, anh Q thì cần giao cháu M và cháu N cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh Q, chị L ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Huyền đối với cháu M và cháu N là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 con chung/01 tháng cho đến khi các con chung thành niên.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị L phải án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238;

khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị L được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Q.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Vũ Trà M, sinh ngày 14/9/2009 và cháu Nguyễn Vũ N, sinh ngày 11/10/2013 cho anh Nguyễn Quốc Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01con chung/01 tháng kể từ tháng 3/2025 cho đến khi các con chung thành niên.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị L (do anh Trần N Cường nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000352 ngày 01/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P. Chị L còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh Nguyễn Quốc Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị L là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Ngọc Tuấn